TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2024
(*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:** Bà Phạm Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Huy Trụ

2/ Ông Vũ Hùng Tuấn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Đinh Trung Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì: Bà Dương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Việt trì xét xử công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST-KDTM ngày 18/12/2023 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/ QĐXXST- DS ngày 07 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2024/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Tháp BIDV – 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức L1 - sinh năm 1976. Địa chỉ: số xxxx, đường Lê Quý Đôn, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Thọ Sơn - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1987;

ĐKHKTT: Tổ xxx, khu xxx, phường C1, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Và Ông Hoàng Quang H2, sinh năm 1988;

HKTT: xxxx, xxxxx, xxxxx, Tổ dân phố xxxx, phường M, quận N, thành phố Hà Nội

Đều chỗ ở hiện nay: Tổ xxx, khu xxx, phường C1, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1958;

HKTT: Tổ xxx, khu xxx, phường C1, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Vắng mặt có đơn xin xét xử văng mặt.

(Đại diện nguyên đơn và bà H1 có mặt, ông H2, bà C4 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/12/2021 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương - Phòng Giao dịch Thọ Sơn ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, số tiền vay vốn được cấp là 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn).

Đến ngày 31/5/2022, ông bà H1 - Hưng tiếp tục ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1043xxxxx/HĐTD ngày 31/5/2022, số tiền vay vốn được cấp: 12.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng chẵn) trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của ông bà Hưng – Huyền tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021 sang.

Tính đến thời điểm 18/3/2024, bà H1, ông H2 chưa trả được phần gốc nào.

Đến hết ngày 18/3/2024 Bà Nguyễn Thị Thu H1 và Ông Hoàng Quang H2 còn dư nợ quá hạn tại BIDV Hùng Vương – Phòng Giao dịch Thọ Sơn theo các Hợp đồng tín dụng trên còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 7.322.326.881đ (Bẩy tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng)

+ Tiền gốc còn phải trả: 6.340.000.000 đồng

+ Lãi quá hạn: 639.357.809 đồng

+ Lãi phạt: 325.557.506 đồng

+ Lãi chậm trả: 17.411.566 đồng

- Để bảo đảm cho dư nợ vay trên bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 thế chấp bằng tài sản là:

+ Tài sản thứ 1: Giá trị QSDĐ (diện tích 60,1m^2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại phố Mai Sơn 2, phường Tiên Cát. Thành phố Việt trì, tỉnh Phú Thọ, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ72XXXX do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 28/10/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 theo HĐTC số 01/2020/1043xxxxx/HĐBĐ ngày 27/11/2020 và phụ lục số 01/2022/1043xxxxx/SĐBC ngày 31/5/2022 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng Giao dịch Thọ Sơn.

+ Tài sản thứ 2: Giá trị QSDĐ (diện tích 60m^2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại phố Mai Sơn 2, phường Tiên Cát, Thành phố Việt trì, tỉnh Phú Thọ, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB986XXXX do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 11/3/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị C3 theo HĐTC số 01/2021/401797/HĐBĐ ngày 11/8/2021 và phụ lục số 01/2022/401797/SĐBS được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị C3 và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng Giao dịch Thọ Sơn.

+ Tài sản thứ 3: Quyền sở hữu xe ô tô con 05 chỗ màu đen, nhãn hiệu Mercedes E250, sản xuất năm 2018 tại Việt Nam, BKS: 30H-243.27 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 131958 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp 22/11/2021 đứng tên ông Hoàng Quang H2 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2021/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/12/2021 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng Giao dịch Thọ Sơn.

Từ tháng 7/2023, bà H1 và ông H2 đã không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo hợp đồng đã giao kết; như vậy bà H1 và ông H2 đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng đã ký nên Ngân hàng chấm dứt việc cho vay với bà H1 và ông H2.

Việc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 cố tình chây ỳ không trả nợ đúng quy định đã gây rất nhiều khó khăn cho ngân hàng trong công tác xử lý nợ nói riêng và hoạt động kinh doanh nói chung. Vậy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đề nghị Toà án nhân dân thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ xem xét và giải quyết đối với yêu cầu của chúng tôi như sau:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/1043xxxxx/HĐTD ngày 31/5/2022 số tiền nợ tính đến ngày 14/6/2024 là: 7.568.465.913 (Bẩy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sau mươi lăm nghìn, chín trăm mười ba đồng). Trong đó:

+ Tiền gốc còn phải trả: 6.340.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 792.352.876 đồng

+ Lãi quá hạn: 389.699.293 đồng

+ Lãi phạt: 46.413.744 đồng

và tiếp tục trả tiền lãi và phí chậm trả phát sinh trên số dư nợ thực tế cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cùng các văn bản sửa đổi bổ sung cho đến khi thi hành xong bản án thu hồi hết nợ cho Ngân hàng.

2/ Về xử lý tài sản bảo đảm đề nghị Tòa án xử: Nếu bà H1 và ông H2 không trả được nợ Ngân hàng, đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp số 01/2020/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/11/2020, 01/2021/401797/HĐBĐ ký ngày 11/8/2021 và Hợp đồng thế chấp số

02/2021/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/12/2021 và các phụ lục kèm theo được ký giữa Bên thế chấp và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 trình bày:

Vợ chồng ông, bà được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương - Phòng Giao dịch Thọ Sơn ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021, mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, số tiền vay vốn được cấp là 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn). Đến ngày 31/5/2022, ông bà tiếp tục ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1043xxxxx/HĐTD ngày 31/5/2022, số tiền vay vốn được cấp: 12.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng chẵn) trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của ông bà Hưng – Huyền tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021 sang.

Tính đến thời điểm 18/12/2023, bà và ông H2 chưa trả được phần gốc nào.

Nay ngân hàng yêu cầu ông bà trả tổng số tiền tính đến ngày 18/3/2024 là: 7.322.326.881đ (Bẩy tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng)

+ Tiền gốc còn phải trả: 6.340.000.000 đồng

+ Lãi quá hạn: 639.357.809 đồng

+ Lãi phạt: 325.557.506 đồng

+ Lãi chậm trả: 17.411.566 đồng

- Để bảo đảm cho dư nợ vay trên ông bà có thế chấp bằng tài sản như Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương trình bày tại các hợp đồng là đúng.

Quan điểm của ông bà H1 Hưng là nhất trí đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng. Tuy nhiên, ông bà H1 Hưng xin Ngân hàng trong thời hạn 45 ngày, nay hết thời hạn trên ông bà H1 Hưng chưa xử lý để trả nợ cho Ngân hàng được. Vì vậy quan điểm của Ngân hàng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật thì ông bà H1 Hưng nhất trí với Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C3 trình bày tại bản tự khai: bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Thu H1, có chồng là Hoàng Quang H2, sinh năm 1988. Ngày 27/11/2020, chị Huyền và anh Hưng đã từng ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2020/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/11/2020 với Ngân hàng và đã dùng tài sản là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liên với đất tại phố Mai Sơn 2, phường Tiên Cát, Thành phố Việt trì, tỉnh Phú Thọ, có GCNQSDĐ số CB986XXXX do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 11/3/2016 đứng tên tôi là Nguyễn Thị C3 để thế chấp. Sau đó, Ngân hàng đã làm thủ tục thế chấp tài sản cho

gia đình tôi làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của anh chị Huyền Hưng tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/401797/HĐBĐ ngày 11/8/2021 và phụ lục số 01/2022/401797/SĐBS. Khi ký Hợp đồng thế chấp bất động sản thì tôi đã ký và điểm chỉ công nhận biết đã đọc và đồng ý toàn bộ nội dung của hợp đồng này.

Về nội dung hợp đồng thế chấp chúng tôi đã thỏa thuận, tài sản của tôi sẽ được thể chấp cho Hợp đồng tín dụng gồm có:

"(i) HĐTD số 01/2021/1043xxxxx/HĐTD ký ngày 11/8/2021 giữa Ngân hàng và Bên được bảo đảm, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các HĐTD;

(ii) Các HĐTD khác ký kết giữa Ngân hàng và Bên được bảo đảm trước, cùng và/hoặc sau thời điểm kí kết Hợp đồng thế chấp này bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các HĐTD"

Tức là: Tài sản của tôi sẽ được thể chấp cho các hợp đồng tín dụng cụ thể là: HĐTD số 01/2021/1043xxxxx/HĐTD ký ngày 11/8/2021; Hợp đồng tín dụng số 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, số tiền vay vốn được cấp là 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn) và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1043xxxxx/HĐTD ngày 31/5/2022 trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của ông bà Hưng – Huyền tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh chị Huyền Hưng thanh toán khoản nợ tín dụng đến hết ngày 18/12/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1043xxxxx/HĐTD ngày 31/5/2022, tính đến ngày 30/5/2023 tổng số tiền 6.729.986.850 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ bẩy trăm hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn không trăm năm mươi đồng) thì bà đồng ý do anh chị Huyền Hưng vay ngân hàng thì phải trả. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu phát mại và xử lý tài sản đảm bảo của ngân hàng. Đối với tài sản của bà là GCNQSDĐ số CB986XXXX do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 11/3/2016 theo hợp đồng thế chấp số 01/2021/401797/HĐBĐ ngày 11/8/2021 và phụ lục số 01/2022/401797/SĐBS được ký kết giữa bên thế chấp là bà và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương thì bà xin được có thời gian để tự thanh lý tài sản và hoàn trả tiền bán tài sản cho ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Ông Nguyễn Đức L1 giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Yêu cầu ông bà H1,

Hưng phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 14/6/2024 là: 7.568.465.913 (Bẩy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sau mươi lăm nghìn, chín trăm mười ba đồng). Trong đó:

+ Tiền gốc còn phải trả: 6.340.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 792.352.876 đồng

+ Lãi quá hạn: 389.699.293 đồng

+ Lãi phạt: 46.413.744 đồng

và tiếp tục trả tiền lãi và phí chậm trả phát sinh trên số dư nợ thực tế cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ và đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

- Bị đơn là bà H1 có quan điểm đồng ý nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bà và ông H2 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi đến ngày 14/6/2024 là 7.568.465.913 (Bẩy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sau mươi lăm nghìn, chín trăm mười ba đồng). Trong đó:

+ Tiền gốc còn phải trả: 6.340.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 792.352.876 đồng

+ Lãi quá hạn: 389.699.293 đồng

+ Lãi phạt: 46.413.744 đồng

và tiếp tục trả tiền lãi và phí chậm trả phát sinh trên số dư nợ thực tế cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ và đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, Đại diện VKSND TP Việt Trì đề nghị HĐXX:

Về ý kiến nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tạm tính đến ngày xét xử 14/6/2024 là: 7.568.465.913 (Bẩy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sau mươi lăm nghìn, chín trăm mười ba đồng). Trong đó:

+ Tiền gốc còn phải trả: 6.340.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 792.352.876 đồng

+ Lãi quá hạn: 389.699.293 đồng

+ Lãi phạt: 46.413.744 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

+ Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại đối với số tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

3/ Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 phải chịu chi phí tố tụng.

4/ Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng BIDV được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 01/7/2023 Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 phải trả số tiền đã vay nợ theo hợp đồng 01/2020/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/11/2020, 01/2021/401797/HĐBĐ ký ngày 11/8/2021 và Hợp đồng thế chấp số 02/2021/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/12/2021 và các phụ lục kèm theo và tiền lãi, phí chậm trả phát sinh trên số dư nợ gốc, lãi thực tế cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cùng các văn bản sửa đổi bổ sung cho đến khi thi hành xong bản án thu hồi hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Nếu bà H1 và ông H2 không trả được nợ Ngân hàng, đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp số 01/2020/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/11/2020, 01/2021/401797/HĐBĐ ký ngày 11/8/2021 và Hợp đồng thế chấp số 02/2021/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/12/2021 và các phụ lục kèm theo được ký giữa các bên thế chấp và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương.

Bị đơn ông Hoàng Quang H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C3 có đơn xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân TP Việt Trì xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

- Hợp đồng 01/2020/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/11/2020, 01/2021/401797/HĐBĐ ký ngày 11/8/2021 và Hợp đồng thế chấp số 02/2021/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/12/2021 và các phụ lục kèm theo giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương và bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Hoàng Quang H2 và bà Nguyễn Thị C3. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Như vậy

tranh chấp giữa Nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng được giao kết và thực hiện (giải ngân) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương địa chỉ số 1464, đường Hùng Vương, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân Thành phố Việt Trì thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng dân sự giao kết giữa các bên lập ngày 27/11/2020, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tuy nhiên, kể từ tháng 7/2023 bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 không trả lãi và gốc cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Đến ngày 16/11/2022 Ngân hàng thông báo cho chị Huyền, anh Hưng về dư nợ vay và các khoản vay đã quá hạn gốc, lãi phải trả và chuyển sang nhón nợ 2. Ngày 31/3/2023 Ngân hàng làm việc với bà H1, ông H2 về việc khoản nợ vay chuyển sang nhóm nợ 3 nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung:

- Xét hợp đồng cho vay 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương và bà H1, ông H2 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 02/2021/1043xxxxx/HĐTD ngày 27/12/2021 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 11/2022 bị đơn bà H1, ông H2 không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Mặc dù thời hạn hợp đồng vẫn còn nhưng theo thỏa thuận của hai bên tại điều 9 phần 2 hợp đồng cho vay số (nêu trên) thì bà H1, ông H2 đã vi pham toàn bộ hợp đồng, ngân hàng đã hai lần thông báo hợp lệ cho bà H1 và ông H2, và có quyền khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà H1, ông H2 trả toàn bộ khoản nợ còn lại. Bà H1, ông H2 không có ý kiến gì về hợp đồng vay cũng như hợp đồng thế chấp, bà H1 và ông H2 đã dừng việc trả nợ cho Ngân hàng theo kỳ hạn đã thỏa thuận. Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 5,6 thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam thì khách hàng chỉ được xem xét để cơ cấu lại khi khách hàng được đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại và không thực hiện cơ cấu đối với khoản nợ vi phạm quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp của bà H1, ông H2 từ tháng11/2022 khoản nợ của bà H1, ông H2 vay của Ngân hàng đã chuyển sang nhóm nợ 2 và kể từ ngày 31/3/2023 thì khoản vay này đã chuyển sang nhóm 3 - nhóm nợ xấu. Theo quy định của ngành Ngân hàng một khoản vay của khách hàng bị chuyển sang nợ xấu thì tất cả các khoản vay ở mọi tổ chức tín dụng đều bị chuyển sang nợ xấu, do vậy khoản vay của bà H1 ông H2 ở Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương bị chuyển sang nợ xấu.

Đối chiếu với quy định đã trích dẫn ở trên tại thời điểm tháng 11/2022 bà H1, ông H2 đã không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương bị chuyển sang nợ xấu đồng nghĩa với việc bà H1, ông H2 không có khả năng trả nợ, vi phạm luật các tổ chức tín dụng nên việc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam không cơ cấu lại (cơ cấu lần 2) khoản vay của bà H1, ông H2 là đúng.

Vì vậy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H1, ông H2 phải trả nợ gốc là 6.340.000.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng vay đã thỏa thuận tính đến ngày xét xử 14/6/2024 là 1.228.465.913đ là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 7.568.465.913 (Bảy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm mười ba đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2024.

- Xét các hợp đồng thế chấp số 01/2020/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/11/2020, 01/2021/401797/HĐBĐ ký ngày 11/8/2021 và Hợp đồng thế chấp số 02/2021/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/12/2021 và các phụ lục kèm theo giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương với bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Huyền, ông Hoàng Quang H2 và bà Nguyễn Thị C3 nhận thấy:

Việc ký kết các hợp đồng thế chấp nêu trên là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nên hợp đồng có hiệu lực. Ngày 26/12/2023, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng các thửa đất của bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Hoàng Quang H2 và bà Nguyễn Thị C3. Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định 02 thửa đất trên đều không phát sinh tài sản gì, hiện trạng không thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp gì. Do vậy, nếu bà H1, ông H2 không trả được tiền vay thì phải phát mại các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp kể trên để trả nợ.

- Đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con 05 chỗ màu đen, nhãn hiệu Mercedes E250, sản xuất năm 2018 tại Việt Nam, BKS: 30H-243.27 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 131958 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp 22/11/2021 đứng tên ông Hoàng Quang H2 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2021/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/12/2021 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng Giao dịch Thọ Sơn. Quá trình làm hợp đồng thế chấp thì chiếc xe này ông H2 bà H1 vẫn sử dụng, đã được định giá tài sản và Ngân hàng đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Ngày 26/12/2023 Hội đồng thẩm định đến làm việc, không có chiếc xe ô tô con 05 chỗ màu đen, nhãn hiệu Mercedes E250, sản xuất năm 2018 tại Việt Nam, BKS: 30H-243.27 này. Quá trình làm việc Ngân hàng cung cấp từ năm 2023 trong quá trình thu hồi nợ vay, sau khi phát hiện xe ô tô BKS: 30H-243.27 có dấu hiệu bị tẩu tán, Ngân hàng đã có văn bản gửi Cơ quan

cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ và Cục đăng kiểm Việt Nam hỗ trợ tìm kiếm phương tiện giao thông nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

[5] Về chi phí tố tụng: Do vụ án Dân sự thụ lý số 194/TLST-DS ngày 09/11/2023 và vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 34/TLST-KDTM ngày 18/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 cùng là nguyên đơn, bị đơn và cùng các tài sản thế chấp tại hai vụ án này. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ cả 02 vụ án trên vào ngày 26/12/2023, tổng chi phí tố tụng của 02 vụ án là 7.932.000đ (Bẩy triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng). Nên khi quyết toán chi phí tố tụng 02 vụ án Dân sự và vụ án Kinh doanh thương mại nêu trên được quyết toán mỗi vụ án 50% giá trị chi phí tố tụng. Chi phí tố tụng cho vụ án Kinh doanh thương mại là 3.966.000đ (Ba triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Do phía Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã tạm ứng chi phí tố tụng, vì vậy buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 phải trả số tiền chi phí tố tụng trên cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hùng Vương.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 phải chịu án Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 16 Điều 4, Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; 298, 299, 301, 317; 319, 323, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương số tiền cả gốc và lãi là : 7.568.465.913 (Bẩy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm mười ba đồng), trong đó dư nợ gốc là 6.340.000.000 đồng

(Sáu tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi xuất theo hợp đồng vay đã thỏa thuận là 1.228.465.913 (Một tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Nếu bà H1, ông H2 không trả được số tiền trên thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản đối với các tài sản mà bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Hoàng Quang H2 và bà Nguyễn Thị C3 đã thế chấp là:

+ Tài sản thứ 1: Giá trị QSDĐ (diện tích 60,1m^2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại phố Mai Sơn 2, phường Tiên Cát. Thành phố Việt trì, tỉnh Phú Thọ, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ72XXXX do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 28/10/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 theo HĐTC số 01/2020/1043xxxxx/HĐBĐ ngày 27/11/2020 và phụ lục số 01/2022/1043xxxxx/SĐBC ngày 31/5/2022 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng Giao dịch Thọ Sơn.

+ Tài sản thứ 2: Giá trị QSDĐ (diện tích 60m^2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại phố Mai Sơn 2, phường Tiên Cát, Thành phố Việt trì, tỉnh Phú Thọ, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB986XXXX do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 11/3/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị C3 theo HĐTC số 01/2021/401797/HĐBĐ ngày 11/8/2021 và phụ lục số 01/2022/401797/SĐBS được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị C3 và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng Giao dịch Thọ Sơn.

+ Tài sản thứ 3: Quyền sở hữu xe ô tô con 05 chỗ màu đen, nhãn hiệu Mercedes E250, sản xuất năm 2018 tại Việt Nam, BKS: 30H-243.27 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 131958 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp 22/11/2021 đứng tên ông Hoàng Quang H2 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2021/1043xxxxx/HĐBĐ ký ngày 27/12/2021 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng Giao dịch Thọ Sơn.

3/ Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương 3.966.000đ *(Ba triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).*

4/ Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Hoàng Quang H2 phải chịu 115.568.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương 57.364.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi tư nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 00005738 ngày 07/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì.

"Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sư có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND TP,tỉnh*
- *Thi hành án DSTP.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Hồng Vân